

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

Số: 16/2023/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kon Tum, ngày 25 tháng 4 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 26/2014/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản tỉnh Kon Tum đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (đã được sửa đổi bổ sung tại Nghị quyết số 74/2020/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2020 và Nghị quyết số 78/2021/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum)

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KON TUM KHÓA XII KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030.

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Xét Tờ trình số 28/TTr-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc đề nghị ban hành Nghị quyết về sửa đổi, bổ sung một số

điều của Nghị quyết số 26/2014/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản tỉnh Kon Tum đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (đã được sửa đổi bổ sung tại Nghị quyết số 74/2020/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2020 và Nghị quyết số 78/2021/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum); Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo số 119/BC-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung tiết 2.1 khoản 2 Mục III Điều 1 Nghị quyết số 26/2014/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 74/2020/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2020 và Nghị quyết số 78/2021/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum) như sau:

“2.1. Khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn: gồm 217 điểm; tổng diện tích đất sử dụng 4.476,69 ha, cụ thể:

TT	Loại khoáng sản	Số điểm quy hoạch	Diện tích (ha)
1	Đá xây dựng	60	1.088,30
2	Cát xây dựng	92	2.756,82
3	Đất làm vật liệu xây dựng thông thường	43	323,51
4	Sét gạch ngói	19	282,16
5	Than bùn	3	25,90
Tổng cộng		217	4.476,69

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)”

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum Khóa XII Kỳ họp chuyên đề thông qua ngày 25 tháng 4 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 05 tháng 5 năm 2023./.

CHỦ TỊCH

Dương Văn Trang

Phụ lục
KHOÁNG SẢN LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG
THÔNG THƯỜNG, THAN BÙN

*(Kèm theo Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 25 tháng 4 năm 2023
của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum)*

TT	Huyện, thành phố	Loại khoáng sản	Số điểm quy hoạch	Diện tích (ha)
1	Huyện Đắk Glei		28	320,5
	1	Đá xây dựng	8	100,7
	2	Đất làm vật liệu xây dựng thông thường	7	59,4
	3	Cát xây dựng	13	160,4
2	Huyện Ngọc Hồi		20	391,9
	1	Đá xây dựng	9	203,3
	2	Đất làm vật liệu xây dựng thông thường	2	6,53
	3	Cát xây dựng	6	145,0
	4	Sét gạch ngói	3	37,1
3	Huyện Đắk Tô		23	391,4
	1	Đá xây dựng	5	63,7
	2	Đất làm vật liệu xây dựng thông thường	5	82,4
	3	Cát xây dựng	12	215,4
	4	Sét gạch ngói	1	30,0
4	Huyện Tu Mơ Rông		19	160,6
	1	Đá xây dựng	7	81,1
	2	Đất làm vật liệu xây dựng thông thường	3	14,4
	3	Cát xây dựng	7	24,7
	4	Sét gạch ngói	2	40,4
5	Huyện Kon Plông		23	336,6
	1	Đá xây dựng	9	158,3
	2	Đất làm vật liệu xây dựng thông thường	1	2,9
	2	Cát xây dựng	13	175,4

TT	Huyện, thành phố	Loại khoáng sản	Số điểm quy hoạch	Diện tích (ha)
6	Huyện Đắk Hà		18	347,6
	1	Đá xây dựng	5	164,5
	2	Đất làm vật liệu xây dựng thông thường	4	31,8
	3	Cát xây dựng	8	146,3
	4	Than bùn	1	5,0
7	Huyện Kon Rẫy		18	408,7
	1	Đá xây dựng	2	76,9
	2	Đất làm vật liệu xây dựng thông thường	5	11,9
	3	Cát xây dựng	11	319,9
8	Huyện Sa Thầy		20	442,8
	1	Đá xây dựng	5	61,1
	2	Đất làm vật liệu xây dựng thông thường	4	9,4
	3	Cát xây dựng	7	354,2
	4	Sét gạch ngói	4	18,1
9	Huyện Ia H'Drai		14	363,8
	1	Đá xây dựng	3	81,8
	2	Đất làm vật liệu xây dựng thông thường	1	2,9
	3	Cát xây dựng	10	279,1
10	Thành phố Kon Tum		34	1.312,7
	1	Đá xây dựng	7	96,9
	2	Đất làm vật liệu xây dựng thông thường	11	101,93
	3	Cát xây dựng	5	936,4
	4	Sét gạch ngói	9	156,6
	5	Than bùn	2	20,9